

đất này vợ chồng ông, bà đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 600894 ngày 28-10-2014. Theo Trích lục bản đồ địa chính, thì chiều rộng của lô đất theo mặt đường (phía tây) là 32,16 m, chiều rộng phía sau lô đất (phía đông) là 33,08 m. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn G (con ông Đ) đã lấn chiếm của vợ chồng ông, bà diện tích đất khoảng hơn 800 m². Hiện nay, chiều rộng theo mặt đường lô đất của ông, bà theo đo đạc thực tế chỉ còn lại là 29,49 m, chiều rộng phía sau chỉ còn lại 30,35 m.

Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn G phải trả lại đất đã lấn chiếm của vợ chồng ông, bà theo đo đạc thực tế là 817,4 m², có vị trí tứ cận: Phía đông giáp đất ông Phạm Triệu Y = 2,73 m, phía tây giáp đường = 2,67 m, phía N giáp đất vợ chồng ông, bà đang sử dụng và phía bắc giáp đất vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị N) là ông Nguyễn Huy H trình bày:

Ngày 03-3-2014, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ nhận chuyển nhượng của ông Võ Tấn N 01 lô đất rẫy (đất trồng cây lâu năm) có diện tích là 17.000 m² tại thôn T, xã E, huyện K; vị trí tứ cận: Phía đông giáp đất ông Phạm Triệu Y (nay là ông Trọng); phía tây giáp đường đi; phía N giáp đất ông Nguyễn Tấn T và phía bắc giáp đất ông Đỗ Việt T. Khi thỏa thuận việc sang nhượng, hai bên chỉ viết Giấy đặt cọc tiền bán rẫy ngày 03-3-2014. Đến ngày 30-01-2015, giữa ông N với vợ chồng ông Đ mới đến Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã E, huyện K để làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở Hợp đồng này, vợ chồng ông Đ được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 11.465 m² (đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 21, thuộc thôn T, xã E, huyện K. Lý do vợ chồng ông Đ chỉ được công nhận quyền sử dụng đất với diện tích 11.465 m² là vì trong số diện tích 17.000 m² mà ông N chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ, thì ông N mới được công nhận quyền sử dụng đất 11.465 m², còn lại khoảng 6.000 m² ông N chưa được công nhận và cho đến nay vợ chồng ông Đ vẫn chưa được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất đối với số diện tích này. Năm 2020, vợ chồng ông Đ đã làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất 100 m² đất ở, nên vợ chồng ông Đ được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới mang số CC 352360 ngày 12-5-2020, diện tích 11.465 m² (100 m² đất ở + 11.365 m² đất trồng cây lâu năm), tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 21, thuộc thôn T, xã E, huyện K.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, vợ chồng ông Đ cũng đã được ông N giao đất tại thực địa. Khi giao đất, hai bên không tiến hành đo đạc mà chỉ xác định phần đất chuyển nhượng theo chiều Nng lô đất (phía đông và phía tây) là 17 hàng cà phê và một hàng cây muồng giáp lô đất của ông Đỗ Việt T; ranh giới giữa lô đất ông Đ (mua của ông N) với lô đất của ông Nguyễn Tấn T được xác định: Phía giáp đường có gốc cây mít làm mốc và phía cuối lô có cây gạo làm mốc. Trong quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông Đ không lấn chiếm đất của vợ chồng ông T. Việc vợ chồng ông T khởi kiện cho rằng vợ chồng ông Đ lấn chiếm đất của vợ chồng ông T là

không có căn cứ. Vì vậy, vợ chồng ông Đ không đồng ý trả lại diện tích đất 817,4 m² theo yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn G trình bày:

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Tấn N với ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N (là bố mẹ của anh) như thế nào, anh không biết. Hiện nay ông Đ, bà N là người đứng tên chủ quyền sử dụng đất và anh là người được bố, mẹ cho sử dụng lô đất này. Trong quá trình sử dụng đất, anh không lấn chiếm đất của vợ chồng ông Nguyễn Tấn T. Số tài sản (cây trồng) trên phần đất mà hiện nay đang tranh chấp là do anh trồng gồm có: 01 cây vú sữa, 01 cây ổi, 01 cây cóc, 04 cây bơ, 03 cây mắc ca. Nay, vợ chồng ông T khởi kiện yêu cầu anh và bố, mẹ phải trả lại cho vợ chồng ông T diện tích đất 817,4 m² thì anh không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Võ Tấn N trình bày:

Khoảng cuối năm 2013, ông chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn T lô đất trồng cà phê diện tích 10.000 m²; ông đã làm thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật và tiến hành giao đất cho vợ chồng ông T theo đúng số diện tích đất đã chuyển nhượng là 10.000 m² tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 21 thuộc xã E, huyện K; vị trí và kích thước các cạnh của lô đất mà ông đã giao cho ông T theo đúng Trích lục bản đồ địa chính ngày 11-9-2014 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện K.

Năm 2014, ông tiếp tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ lô đất trồng cà phê có diện tích 11.465 m² (lô đất này liền kề với lô đất mà ông đã chuyển nhượng cho ông T). Ông đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Đ theo quy định của pháp luật và tiến hành giao đất cho vợ chồng ông Đ theo đúng vị trí lô đất mà ông chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 21; kích thước các cạnh của lô đất chuyển nhượng theo đúng Trích lục bản đồ địa chính ngày 11-9-2014 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện K.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ với vợ chồng ông Nguyễn Tấn T xảy ra lấn chiếm, tranh chấp với nhau như thế nào thì ông không biết, vì việc chuyển nhượng đất đai giữa ông với vợ chồng ông T và vợ chồng ông Đ, ông đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật (làm thủ tục sang tên và giao đất). Hiện nay, ông không còn liên quan gì nữa, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét, thẩm định, đo đạc và định giá tài sản đang tranh chấp:

- Ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C được công nhận quyền sử dụng đất, diện tích 10.000 m² tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 600894 ngày 28-10-2014; vị trí: Phía đông giáp đất ông T (trước đây là đất ông Y), phía tây giáp đường, phía N giáp đất ông Đình Thiện T, phía bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Đ (phần đất đang tranh chấp). Diện tích đất hiện tại ông Nguyễn Tấn T đang sử dụng là 9.182,6 m².

- Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị N được công nhận quyền sử dụng đất diện tích 11.465 m² tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 352360 ngày 12-5-2020; vị trí: Phía đông giáp đất ông T (trước đây là đất ông Y), phía tây giáp đường, phía N giáp đất ông Nguyễn Tấn T (phần đất đang tranh chấp), phía bắc giáp đất ông Đỗ Việt T. Diện tích đất hiện tại ông Nguyễn Văn Đ đang sử dụng là 16.798,4 m²; trong đó, có phần diện tích đang tranh chấp với ông T là 817,4 m².

- Giá trị tài sản đang tranh chấp:

Theo giá Nhà nước: $817,4 \text{ m}^2 \times 47.000 \text{ đồng/m}^2 = 38.417.800 \text{ đồng}$; theo giá tham khảo thị trường tại thời điểm định giá 817,4 m² có trị giá 69.479.000 đồng (85.000.000 đồng/1.000 m²). Giá trị tài sản trên đất tranh chấp (cây trồng), có tổng trị giá là 9.341.900 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 06-7-2021, Tòa án nhân dân huyện K quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G phải trả lại cho ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C diện tích 817,4 m² đất trồng cây lâu năm; kích thước và tứ cận: Phía đông giáp đất ông Trọng = 2,73 m, phía tây giáp đường = 2,67 m, phía N giáp đất vợ chồng ông T = 307,01 m, phía bắc giáp đất vợ chồng ông Đ 306,4 m (theo Trích đo địa chính thửa đất ngày 21-12-2020 của Công ty TNHH đo đạc - Tư vấn nông lâm nghiệp Đắc Lắc).

Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G phải tháo dỡ, di dời, chặt bỏ... 10 trụ hàng rào bằng bê tông + 96 trụ rào bằng cây gòn + hàng rào lưới B40 có chiều dài 307,01 m (từ mép đường cho đến đất ông T) ra khỏi đất của ông T, bà C để trả lại đất cho ông T, bà C.

- Ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G trị giá tài sản (cây trồng) trên đất là 9.341.900 đồng,

Ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C được quyền sở hữu số cây trồng trên đất gồm có: 01 cây vú sữa, 01 cây ổi, 01 cây cóc, 04 cây bơ và 03 cây mắc ca.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16-7-2021 và ngày 19-7-2021, bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn G có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 205/2021/DS-PT ngày 25-11-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C về việc buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn G phải trả lại cho ông T và bà C diện tích 817,4 m² đất trồng cây lâu năm.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí và chi phí tố tụng.

- Ngày 30-12-2021 và ngày 18-5-2022, ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, đề nghị hủy bản án dân sự phúc thẩm và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 29/2022/KN-DS ngày 25-10-2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 205/2021/DS-PT ngày 25-11-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 06-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện K.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hộ ông Võ Tấn N là chủ sử dụng thửa đất số 55, tờ bản đồ 21, diện tích 21.465 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 023458 ngày 14-12-1999. Đến cuối năm 2013, ông N chuyển nhượng (viết tay) phần đất có diện tích 10.000 m² cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C nhưng đến ngày 22-9-2014, hai bên mới lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 231/2014. Sau đó, vợ chồng ông Nguyễn Tấn T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 600894 ngày 28-10-2014, tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 21. Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 11-9-2014 (bút lục số 86) thể hiện kích thước các cạnh thửa đất là: Phía đông (6-7) = 33,08 m, phía tây (1-2) = 32,16 m, phía N (7-1) = 315,7 m, phía bắc (2-6) = 306,4 m.

Ngày 03-3-2014, ông Võ Tấn N viết giấy tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại (11.465 m²) cho ông Nguyễn Văn Đ. Ngày 28-10-2014, hộ ông Võ Tấn N được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 600895, thửa đất số 131, diện tích 11.465 m² (bút lục số 76) và ngày 30-01-2015, ông Võ Tấn N và vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N mới lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 47/2015 để chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ thửa đất số 131, có diện tích 11.465 m². Sau đó, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 352360 ngày 12-5-2020 (cấp đổi), có diện tích 11.465 m², tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 21. Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 11-9-2014 (bút lục số 86) thể hiện kích thước của các cạnh đối với thửa đất số 131 cụ thể: Phía đông (5-6) = 32,42 m, phía tây (2-3) = 38,94 m, phía nam (2-6) = 306,4 m, phía bắc (3-4-5) = 302,52 m.

[2]. Như vậy, căn cứ vào thời gian chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, thì vợ chồng ông Nguyễn Tấn T nhận chuyển nhượng trước vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ. Trong quá trình quản lý, sử dụng phần đất đã nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông T cho rằng vợ chồng ông Đ và anh Giáp đã lấn chiếm diện tích 817,4 m² của gia đình ông, nên khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ và anh Nguyễn Văn G

(con ông Đ) phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thấy rằng:

[2.1]. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 023458 ngày 14-12-1999 của hộ ông Võ Tấn N, thì diện tích thửa đất là 21.465 m², đã được tách làm 02 thửa, gồm thửa số 132 = 10.000 m² (chuyển nhượng cho vợ chồng ông T) và thửa số 131 = 11.465 m² (chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ).

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ cho rằng vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Võ Tấn N diện tích 17.000 m² đất theo “Giấy đặt cọc tiền bán rẫy” ngày 03-3-2014, có nội dung “... Ông N có sang nhượng cho gia đình ông Đ một đám rẫy diện tích theo Giấy CNQSDĐ với giá là 1.080.000.000 đồng...”; tại trang 2 thể hiện nội dung: “Ngày 27-3-2014, ông Đ là người nhận sang nhượng một phần thửa đất số 55, tờ bản đồ số 21, Giấy CNQSDĐ số P 023458 ngày 14-12-1999 của ông Võ Tấn N với tổng diện tích nhận sang nhượng là 17.000 m² đất trồng cây lâu năm...”. Tuy nhiên, đối chiếu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 600895 của ông Võ Tấn N tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 21 mà ông N sang nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ chỉ có 11.465 m², nội dung này phù hợp với nội dung tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 47/2015 ngày 30-01-2015, giữa ông N và vợ chồng ông Đ là thửa đất số 131 chỉ có diện tích 11.465 m². “Giấy đặt cọc tiền bán rẫy” ngày 03-3-2014 chỉ là tạm thời, chưa thể hiện chính thức diện tích chuyển nhượng và được lập trước khi ông N và vợ chồng ông Đ xác lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30-01-2015 với diện tích 11.465 m². Vì vậy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30-01-2015 là văn bản có giá trị pháp lý để chính quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Đ. Ngoài ra, hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ngoài diện tích đất được công nhận quyền sử dụng đất và đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn T và vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, thì diện tích đất còn lại của ông Võ Tấn N là bao nhiêu m² hay là 6.000 m². Do đó, không có căn cứ xác định ông Võ Tấn N chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ diện tích đất là 17.000 m² như lời khai của vợ chồng ông Đ.

[2.2]. Về ranh giới và hiện trạng sử dụng đất: Theo ông Nguyễn Tấn T, thì khi giao đất tại thực địa, giữa ông Nguyễn Tấn T và ông Võ Tấn N đã tiến hành đo đạc theo đúng Trích lục bản đồ địa chính ngày 11-9-2014 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Krông Năng; còn theo ông Nguyễn Văn Đ thì khi giao đất cho ông Đ, ông N xác định (chỉ) cho ông Đ ranh giới (điểm mốc) giữa thửa đất của ông N bán cho ông Đ với thửa đất của ông T là: Phía giáp đường có gốc cây mít làm mốc và phía cuối lô có cây gạo làm mốc; khi giao đất không tiến hành đo đạc mà chỉ tính bằng 17 hàng cà phê. Ông T khẳng định gốc cây mít và gốc cây gạo là hoàn toàn nằm trên phần đất của ông, chứ không phải là điểm mốc làm ranh giới của 02 lô đất như ông Đ trình bày.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thì hiện nay ranh giới (hàng rào) giữa lô đất của ông Đ với lô đất của ông T đang sử dụng có gốc cây mít ở phía giáp đường (phía tây) và có gốc cây gạo ở phía gần cuối lô đất (phía đông). Tuy nhiên, đo từ điểm gốc cây mít kéo sang hết phần đất ông T (đến giáp đất ông Tuấn) chỉ có

29,49 m, mà theo Trích lục bản đồ địa chính đất của ông T là 32,16 m; đo từ điểm gốc cây gạo kéo sang hết phần đất ông T (đến giáp đất ông Tuấn) chỉ có 30,35 m, mà theo Trích lục bản đồ địa chính đất của ông T là 33,08 m. Ngược lại, đo từ điểm gốc cây mít kéo sang hết phần đất ông Đ (đến giáp đất ông Tứ) là 58,66 m, mà theo Trích lục bản đồ địa chính đất của ông Đ chỉ có 38,94 m; đo từ điểm gốc cây gạo kéo sang hết phần đất ông Đ (đến giáp đất ông Tứ) là 52,86 m, mà theo Trích lục bản đồ địa chính đất của ông Đ chỉ có 32,42 m.

Diện tích đất thực tế: Qua đo đạc thực tế, thửa đất của vợ chồng ông T đang sử dụng có diện tích 9.182,6 m², so với diện tích 10.000 m² được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ít hơn 817,4 m². Còn vợ chồng ông Đ và anh Giáp đang sử dụng diện tích 16.798,4 m², so với diện tích 11.465 m² được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nhiều hơn 5.333,4 m².

Do đó, lời khai của ông Nguyễn Văn Đ về việc khi giao đất, ông Võ Tấn N và ông Đ xác định lấy gốc cây mít và gốc cây gạo để làm điểm mốc xác định ranh giới giữa lô đất của ông Đ với lô đất của ông T là không phù hợp, không đúng với hiện trạng thực tế.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Nguyễn Tấn T, bà Võ Thị Yến C) là có cơ sở, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào nội dung “Giấy đặt cọc tiền bán rẫy” lập ngày 03-3-2014 để xác định diện tích đất chuyển nhượng giữa ông Nguyễn Văn Đ với ông Võ Tấn N là 17.000 m² và cho rằng vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ sử dụng thiếu diện tích, không có hành vi lấn chiếm đất, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đánh giá đúng các tài liệu, chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Như vậy, kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ, nên được Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận. Do hủy bản án dân sự phúc thẩm và giữ nguyên án dân sự sơ thẩm (kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn G không được chấp nhận), nên ông Đ và anh Giáp phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 2 Điều 343 và Điều 344 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 29/2022/KN-DS ngày 25-10-2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 205/2021/DS-PT ngày 25-11-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 06-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện K về vụ án dân sự “Tranh chấp về quyền sử dụng đất”, giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Yến C với bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan là bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn G và ông Võ Tấn N.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 6 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002956 ngày 27-7-2021 (do anh Nguyễn Văn G nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; ông Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002955 ngày 27-7-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng; anh Nguyễn Văn G đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện K;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng GDKT II, LTLS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Cường